

Số: 56/2019/QĐST-DS

Hồng Dân, ngày 26 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 138/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Đồng nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

Chị Võ Thị Th, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện G, tỉnh K.

Đồng bị đơn: Anh Lê Vũ L, sinh năm 1989

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện H, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp L, xã V, huyện H, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Lê Vũ L và bà Nguyễn Thị D đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Th tổng số tiền nợ mua hàng hóa và tiền lãi trên số nợ tính đến nay là 284.215.000 đồng. Trong đó: Số tiền nợ mua hàng hóa là 250.215.000 đồng; Tiền lãi là 34.000.000 đồng. Anh Toàn, chị Thu đồng ý nhận tiền.

Buộc anh Lê Vũ L và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Th tổng số tiền mua hàng hóa và tiền lãi chậm trả nợ

là 284.215.000 đồng (hai trăm tám mươi bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Văn T, chị Võ Thị Th đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) cho bà Nguyễn Thị D và anh Lê Vũ L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 0893, tờ bản đồ số 07 do bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Dân cấp ngày 03/12/2003 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 44627. Bà Nguyễn Thị D và anh Lê Vũ L đồng ý nhận.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Th trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) cho bà Nguyễn Thị D và anh Lê Vũ L. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 0893, tờ bản đồ số 07 do bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Dân cấp ngày 03/12/2003 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 44627.

Về án phí đồng bị đơn bà Nguyễn Thị D và anh Lê Vũ L tự nguyện chịu toàn bộ (mỗi người chịu 50% tiền án phí). Đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Võ Thị Th không phải chịu.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch hòa giải thành là 7.105.375 đồng (bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn bà trăm bảy mươi lăm đồng). Đồng bị đơn bà Nguyễn Thị D và anh Lê Vũ L tự nguyện chịu toàn bộ. Buộc bà Nguyễn Thị D và anh Lê Vũ L có nghĩa vụ liên đới nộp 7.105.375 đồng (bảy triệu một trăm lẻ năm nghìn bà trăm bảy mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Nguyễn Thị D là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên chấp nhận miễn nộp 1.776.343 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng) tiền án phí cho bà Dung. Bà Dung còn phải nộp số tiền án phí chịu thay ông Toàn, bà Thu là 1.776.343 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi ba đồng). Buộc anh Lê Vũ L phải nộp 3.552.687 đồng (ba triệu năm trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Th không phải chịu án phí. Anh Nguyễn Văn T và chị Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.255.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002666 ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Lê Văn Đẹp